

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 270/2003/QĐ-TTg ngày 24/12/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Dự trữ quốc gia trực thuộc Bộ Tài chính.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Cục Dự trữ quốc gia là tổ chức thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về dự trữ quốc gia và trực tiếp quản lý một số loại hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực dự trữ quốc gia.
2. Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm về dự trữ quốc gia.
3. Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành:
 - a) Quy định chế độ quản lý tài chính dự trữ quốc gia;
 - b) Quy định về mua, bán, nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia;
 - c) Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật, quy trình, quy phạm, thời hạn bảo quản hàng dự trữ quốc gia.
4. Trình Bộ trưởng Bộ Tài chính việc sử dụng quỹ dự trữ quốc gia hàng năm và trong các trường hợp đột xuất.
5. Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý dự trữ quốc gia theo phân cấp quản lý của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
6. Giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính phối hợp với đơn vị chức năng thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập dự toán và phương án phân bổ vốn bổ sung dự trữ quốc gia của ngân sách trung ương cho các Bộ, ngành được phân công dự trữ quốc gia.
7. Thẩm định, tổng hợp quyết toán việc sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia của các cơ quan được Chính phủ, Thủ

hiện nghiêm túc và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về công tác giám sát, đánh giá đầu tư trong phạm vi ngành, lĩnh vực và địa bàn do mình quản lý theo Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Thông tư số 03/TT-BKH ngày 19 tháng 5 năm 2003.

8. Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện chức năng được giao về giám sát và đánh giá đầu tư, cần tổ chức kiểm tra thường xuyên, phát hiện những thiếu sót và sai phạm, yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp xử lý hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ có biện pháp xử lý kịp thời.

9. Các tỉnh khẩn trương thành lập Thanh tra Sở tại Sở Kế hoạch và Đầu tư theo Pháp lệnh Thanh tra ban hành năm 1990; Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhanh chóng kiện toàn tổ chức Thanh tra Bộ, phối hợp với Thanh tra Nhà nước và các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch số 05/KH-TW ngày 10 tháng 9 năm 2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về kiểm tra thực hiện kết luận của Bộ Chính trị về đầu tư xây dựng và quản lý sử dụng đất đai.

Các Bộ, địa phương chủ động phát hiện và phản ánh kịp thời những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kế hoạch và đầu tư cần được thanh tra, kiểm tra.

Từ năm 2004, tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ việc thực hiện kế hoạch đầu tư ở các ngành, các địa phương, bảo đảm đầu tư tập trung theo mục tiêu kế hoạch.

10. Yêu cầu các Bộ, địa phương chấp hành nghiêm quy định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư hàng quý, 6 tháng, cả năm đến các cơ quan liên quan về các mặt: huy động các nguồn vốn, khối lượng xây dựng, chất lượng và sự cố công trình (nếu có), cấp phát, thanh toán, dự án hoàn thành, năng lực tăng thêm. Đối với các dự án nhóm A và các dự án quan trọng quốc gia, Chủ đầu tư phải báo cáo riêng về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư chậm nhất vào ngày 20 hàng tháng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ và kiến nghị các biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư theo đúng tiến độ.

11. Trong quý I năm 2004, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính và các Bộ liên quan rà soát việc phân bổ vốn đầu tư cho các mục tiêu, các dự án cụ thể của các Bộ, ngành, địa phương, nếu phát hiện những vấn đề không phù hợp với quy định hiện hành phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền phải kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

4. Ban Quản lý kho hàng;
5. Ban Tài chính - Kế toán;
6. Ban Tổ chức cán bộ;
7. Văn phòng.

b) Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Cục:
Trung tâm Khoa học bảo quản và Bồi dưỡng nghiệp vụ.

c) Tại địa phương có các tổ chức Dự trữ quốc gia khu vực trực thuộc Cục Dự trữ quốc gia, bao gồm:

1. Dự trữ quốc gia khu vực Hà Nội;
2. Dự trữ quốc gia khu vực Hà Sơn Bình;
3. Dự trữ quốc gia khu vực Tây Bắc;
4. Dự trữ quốc gia khu vực Vĩnh Phú;
5. Dự trữ quốc gia khu vực Bắc Thái;
6. Dự trữ quốc gia khu vực Hà Bắc;
7. Dự trữ quốc gia khu vực Hải Hưng;
8. Dự trữ quốc gia khu vực Đông Bắc;
9. Dự trữ quốc gia khu vực Thái Bình;
10. Dự trữ quốc gia khu vực Hà Nam Ninh;
11. Dự trữ quốc gia khu vực Thanh Hóa;
12. Dự trữ quốc gia khu vực Nghệ Tĩnh;
13. Dự trữ quốc gia khu vực Bình Trị Thiên;
14. Dự trữ quốc gia khu vực Đà Nẵng;
15. Dự trữ quốc gia khu vực Nghĩa Bình;
16. Dự trữ quốc gia khu vực Nam Trung Bộ;
17. Dự trữ quốc gia khu vực Tây Nguyên;
18. Dự trữ quốc gia khu vực thành phố Hồ Chí Minh;

19. Dự trữ quốc gia khu vực Hậu Giang.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trên đây thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Cục Dự trữ quốc gia có tư cách pháp nhân, có con dấu hình Quốc huy và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các Dự trữ quốc gia khu vực có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Lãnh đạo Cục Dự trữ quốc gia

Cục Dự trữ quốc gia có Cục trưởng và các Phó Cục trưởng. Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính về toàn bộ hoạt động của Cục Dự trữ quốc gia.

Phó Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia do Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia và chịu trách nhiệm trước Cục trưởng về nhiệm vụ được phân công.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Bộ trưởng,

Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

**BỘ TÀI CHÍNH - TỔNG LIÊN
ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM**

**THÔNG TƯ liên tịch số 126/2003/
TTLT-BTC-TLĐ ngày 19/12/2003
sửa đổi Thông tư liên tịch số
76/1999/TTLT-BTC-TLĐ ngày
16/6/1999 hướng dẫn trích nộp
kinh phí công đoàn.**

Để phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước, để đảm bảo kinh phí hoạt động của tổ chức công đoàn, liên tịch Bộ Tài chính, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hướng dẫn phương thức thu, nộp kinh phí công đoàn đối với

các đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước như sau:

I. PHƯƠNG THỨC TRÍCH, NỘP KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN

- Hàng năm, sau khi được cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách, đơn vị dự toán cấp I thực hiện phân bổ dự toán chi tiết cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc. Riêng đối với kinh phí công đoàn (bằng 2% quỹ tiền lương) phải nộp trong năm (bao gồm cả cơ quan chủ quản và các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc), đơn vị dự toán cấp I phải phân bổ chi tiết theo loại, khoản, mục 106, tiểu mục 03 của Mục lục Ngân sách nhà nước và gửi cơ quan Tài chính đồng cấp trước ngày 31 tháng 12 để cơ quan Tài chính thực hiện cấp phát (Kho bạc Nhà nước không thực hiện thanh toán kinh phí công đoàn cho các đơn vị sử dụng ngân sách).

- Sau khi nhận được văn bản phân bổ dự toán chi tiết của đơn vị dự toán cấp I, cơ quan Tài chính đồng cấp thẩm định phân bổ dự toán và thông báo cho đơn vị dự toán cấp I về kết quả thẩm định theo quy định hiện hành, trong đó, xác định rõ số kinh phí công đoàn phải nộp trong năm của đơn vị dự toán cấp I;

- Hàng quý, căn cứ văn bản phân bổ chi tiết của đơn vị dự toán cấp I, cơ quan Tài chính sẽ cấp kinh phí công đoàn bằng hình thức lệnh chi tiền theo Mục lục Ngân sách nhà nước, đồng thời lập ủy nhiệm chi thay đơn vị sử dụng ngân sách